TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 151/2024/DS-ST
Ngày: 09/9/2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đính.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lưu Văn Đê;

Ông Đỗ Việt Hùng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đoàn Thị Xuyến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huê – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2024 về việc "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2024 và quyết định hoãn phiên toà số 97/2024/QĐST-DS ngày 19/8/2024, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Đinh Văn T, sinh năm 1975; địa chỉ: Xóm T, xã Hải H, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Ninh Thị N, sinh năm 1983; địa chỉ: Xóm 4, xã Hải T, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

- Người làm chứng: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ dân phố số 5, thị trấn Đ, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/3/2024 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Đinh Văn T trình bày:

Do vợ chồng anh Đinh Văn T chung sống không hạnh phúc và đang làm thủ tục ly hôn tại Toà án. Tháng 10/2022, anh T vào facebook và tham gia nhóm độc thân tìm người kết bạn mục đích tiến tới hôn nhân, anh T có làm quen kết bạn với người tên Ly giới thiệu quê ở xã Hải Đ tình trạng đã ly hôn. Đầu năm 2024, anh

phát hiện chị Ly tên thật là Ninh Thị N có địa chỉ xóm 4, xã Hải T, huyện Hải Hậu, không phải ở xã Hải Đường như giới thiệu, chị N vẫn đang sống cùng với chồng con. Mục đích chị N kết bạn và làm quen với anh để lừa tiền bạc của anh nên anh đã chủ động chấm dứt mối quan hệ với chị N. Trong thời gian tìm hiểu, anh đã tặng cho chị N quà và tiền mặt nhiều lần. Trong tổng số tiền khoảng 200.000.000 đồng và 01 chỉ vàng 9999 anh đưa cho chị N thì có 86.300.000 đồng anh chuyển khoản qua Ngân hàng và 01 chỉ vàng 9999 anh đưa tay cho chị N là do chị N hỏi vay anh. Đến nay, anh đòi nợ nhiều lần nH chị N khất nH không trả cụ thể số tiền anh đã chuyển khoản cho chị N như sau:

Ngày 10/11/2022 anh chuyển khoản 5.000.000đ; ngày 06/12/2022 chuyển khoản 3.000.000đ; ngày 19/12/2022 chuyển khoản 2.300.000đ; ngày 19/01/2023 chuyển khoản 5.600.000đ; ngày 30/01/2023 chuyển khoản 11.000.000đ; ngày 08/3/2023 chuyển khoản 4.000.000đ; ngày 19/04/2023 chuyển khoản 1.000.000đ; ngày 02/6/2023 chuyển khoản 1.900.000 đ; ngày 20/6/2023 chuyển khoản 5.000.000đ; ngày 20/6/2023 chuyển khoản 5.000.000đ; ngày 17/8/2023 chuyển khoản 2.300.000đ; ngày 27/8/2023 chuyển khoản 1.200.000đ; ngày 29/8/2023 chuyển khoản 2.000.000đ; ngày 30/8/2023 chuyển khoản 1.000.000đ; ngày 04/9/2023 chuyển khoản 2.000.000đ; ngày 18/9/2023 chuyển khoản 20.500.000đ; ngày 27/10/2023 chuyển khoản 2.500.000đ; ngày 06/12/2023 chuyển khoản 2.000.000đ; ngày 06/12/2023 chuyển khoản 2.000.000đ; ngày 24/12/2023 chuyển khoản 1.000.000đ; ngày 09/01/2024 chuyển khoản 5.000.000đ và ngày 10/01/2024 chuyển khoản 1.000.000đ.

Về số tiền chuyển khoản ngày 02/6/2024, chị N nhờ anh chuyển cho chị Vũ Thị Hoài Thu số tiền 1.900.000đ. Tại phiên đối chất ngày 25/4/2024 chị N không thừa nhận, anh cũng không biết chị Thu là ai nên anh xin rút yêu cầu chị N phải trả số tiền này.

Nay anh yêu cầu Toà án buộc chị Ninh Thị N phải trả anh tổng số tiền là 84.400.000 đồng và 01 chỉ vàng 9999, không yêu cầu trả lãi.

Tại đơn tường trình và biên bản đối chất cùng ngày 25/4/2024 chị Ninh Thị N trình bày: Tháng 10/2022, anh T có chủ động kết bạn với chị qua facebook, do lúc đó vợ chồng chị cũng đang có mâu thuẫn nên giữa chị và anh T có nảy sinh tình cảm và hứa hẹn sẽ chung sống với nhau sau khi cả hai hoàn tất thủ tục ly hôn. Trong thời gian tìm hiểu anh T có chuyền tiền qua tài khoản cho chị như anhh T đã sao kê tại Ngân hàng. Tuy nhiên, các khoản anh T chuyển cho chị là do anh T tự nguyện tặng chị với các lý do sinh nhật của chị và con của chị, ngày lễ, tết, chi phí sinh hoạt thuê cửa hàng bán quần áo…bản thân chị không hỏi vay mượn với anh T, nếu chị mượn tiền thì phải viết giấy vay mượn.

Trong các lần chuyển khoản thì có 5 lần, anh T chuyển khoản không đúng tên của chị gồm:

- Ngày 30/01/2023 chị có người quen đang điều trị tại Bệnh viện Nam Định, có nhờ chị chuyển khoản số tiền 11.000.000 đồng, do trong tài khoản của chị không có tiền nên chị có nhờ anh T chuyển khoản hộ và chị đã trả tiền mặt ngay cho anh T

đến nay chị không còn nợ khoản tiền này.

- Ngày 02/6/2023 anh T chuyển khoản cho chị Vũ Thị Hoài Thu số tiền 1.900.000đ, chị khẳng định không biết chị Thu là ai, nên chị không có trách nhiệm trả khoản nợ này.

- Ngày 29/8/2023, chị có nhờ anh T chuyển khoản cho anh Bùi Anh Đào số tiền 2.000.000đ là đúng. Tuy nhiên đến nay chị đã trả nợ cho anh T.

- Ngày 30/8/2023 chị sửa điện thoại do không có tiền, chị có nhờ anh T chuyển khoản trả cho chị Trang là chủ cửa hàng đến nay chị đã trả tiền mặt lại cho anh T.

- Ngày 10/01/2024, chị có chở con gái của chị bằng xe mô tô do không đội mũ bảo hiểm nên chị đã bị Công an thị trấn Cồn xử phạt 1.000.000đ, do không có tiền để nộp chị có nhờ anh T chuyển 1.000.000đ qua tài khoản của bà Mai Thị Thuý để lấy tiền nộp phạt, đến nay chị chưa trả lại số tiền trên cho anh T.

- Trong năm 2023, chị không nhớ ngày tháng, chị có vay của anh T 01 chỉ vàng 9999 để cho chị Nguyễn Thị Thanh vay lại, sau khi chị Thanh trả lại vàng cho chị, chị đã trả lại cho anh T.

Nay anh Đinh Văn T khởi kiện yêu cầu chị phải trả anh T 84.400.000đ và 01 chỉ vàng 9999 là không đúng, chị chỉ chấp nhận còn nợ anh T 1.000.000 đ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/6/2024, người làm chứng chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị là bạn của chị Ninh Thị N, chị không nhớ được ngày, tháng của năm 2023, chị có vay của chị N 01 chỉ vàng 9999, vay được mấy ngày thì chị trả cho chị N. Khi vay thì chị không biết là chị N vay của anh T, đến khi anh T làm đơn khởi kiện tại Toà án, chị và chị N đến nhà anh T thì chị mới biết chị N vay của anh T 01 chỉ vàng 9999, để cho chị vay lại. Chị khẳng định đã trả nợ cho chị N xong, đến nay chị không nợ tài sản gì đối với chị N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự, nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; chấp nhận yêu cầu của anh Đinh Văn T; buộc chị Ninh Thị N có trách nhiệm trả cho anh Đinh Văn T số tiền 84.400.000 đồng và 01 chỉ vàng 9999 (giá vàng quy đổi tại thời điểm xét xử). Về án phí, bị đơn phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Đinh Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Ninh Thị N vắng mặt tại phiên toà lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh T, chị N là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật: Anh Đinh Văn T khởi kiện yêu cầu chị Ninh Thị N trả nợ tiền, vàng vay; đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu đòi nợ của nguyên đơn:

[3.1] Anh Đinh Văn T yêu cầu chị Ninh Thị N trả nợ số tiền vay gốc là 84.400.000 đồng và 01 chỉ vàng 9999. Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp bản sao kê của Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam. Bị đơn chị Ninh Thị N thừa nhận anh T có chuyển số tiền trên cho chị N, nH chủ yếu là tiền do anh T tặng cho chị N, còn các khoản chị N vay gồm: Ngày 30/01/2023 vay 11.000.000 đồng; ngày 29/8/2023 vay 2.000.000đ; ngày 30/8/2023 vay 1.000.000 đồng; ngày 10/01/2024 vay 1.000.000 đồng và 01 chỉ vàng 9999. Đến nay chị khẳng định chỉ còn nợ anh T khoản nợ 1.000.000 đồng đóng tiền phạt giao thông, còn các khoản nợ khác chị đã trả cho anh T xong.

[3.2] Hội đồng xét xử xét thấy, chị Ninh Thị N thừa nhận anh T có chuyển tiền qua tài khoản của chị N cũng như tài khoản của những người do chị N yêu cầu, tổng số tiền là 84.400.000 đồng và mượn tay 01 chỉ vàng 9999 như anh T trình bày là đúng. Đến nay chị N chỉ thừa nhận còn nợ anh T 1.000.000 đồng vào ngày 10/01/2014, còn các khoản tiền khác chị N không chấp nhận, với lý do được anh T tặng cho hoặc vay của anh T đã trả nợ cho anh T xong không được Hội đồng xét xử chấp nhận, bởi lẽ: Trong bản sao kê chuyển khoản cho chị N, đều không ghi nội dung tặng cho chị N, mặt khác, đến thời điểm hiện tại thì chị N vẫn đang tồn tại hôn nhân hợp pháp, trong khi mục đích của anh T đi tìm hiểu tiến tới hôn nhân với chị N nên không có lý do gì anh T phải tặng cho tài sản người đang có chồng, con. Ngoài ra, trong biên bản đối chất ngày 25/4/2024, chị N công nhận có vay tài sản của anh T 05 lần gồm: Ngày 30/01/2023 vay 11.000.000 đ; ngày 29/8/2023 vay 2.000.000đ; ngày 30/8/2023 vay 1.000.000 đ; ngày 10/01/2024 vay 1.000.000đ và 01 chỉ vàng 9999, chị N công nhận có vay của anh T nH đã trả nợ cho anh T xong, chỉ còn nợ 1.000.000 vào ngày 10/01/2024 chưa trả, nH chị N không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh là đã trả nợ cho anh T. Sau khi anh T chấm dứt việc tìm hiểu đối với chị N thì chính chị N có nhắn tin lại cho anh T với nội dung *" ....Về tiền anh bỏ ra cho e a cứ ở nhà nhớ rồi cộng hết vào mấy tháng nữa e lấy hội e đưa lên nhà e gửi lại a…"* (Bút lục 23).

Do vậy, anh Đinh Văn T khởi kiện yêu cầu chị Ninh Thị N phải trả cho anh T tổng số tiền 84.400.000 đồng và 01 chỉ vàng 9999 là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về lãi: Anh Đinh Văn T không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

[6] Về án phí: Bị đơn chị Ninh Thị N có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn nên chị N phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại thời điểm xét xử ngày 09/9/2024, giá vàng trung bình giữa mua và bán ra trên thị trường đối với loại vàng 9999 được xác định là 7.755.000 đồng/01chỉ.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đinh Văn T đối với chị Ninh Thị N.

Buộc chị Ninh Thị N phải trả cho anh Đinh Văn T 84.400.000 đồng và 1 chỉ vàng 9999 có giá là 7.755.000đ. Tổng cộng chị Ninh Thị N có trách nhiệm trả nợ cho anh Đinh Văn T là 92.155.000 đồng (Chín mươi hai triệu một trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

- Chị Ninh Thị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 4.608.000 đồng.

- Hoàn lại cho anh Đinh Văn T số tiền 2.200.000đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu số 0003122 ngày 19/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND Tỉnh + Huyện;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu;
- UBND xã Hải T;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Đính

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**